TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 169/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 06 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Minh Q, sinh năm: 1975

Thường trú: Tổ 54, phường N, quận C, thành phố N.

- Bà La Mỹ N, sinh năm: 1977

Thường trú: 138 đường Đ, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N qua thời gian tìm hiểu 01 (một) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào năm 1997 (Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/97 đăng ký ngày 14/04/1997 tại UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, cả hai bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung trong gia đình. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa rất nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly

thân từ năm 2015 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 34/KST/97, quyển số 01/97, ngày 20/11/1997 tại UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Trần Minh Đ, sinh ngày 14/10/1997); Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 212/KS/2000, quyển số 02/P7, ngày 06/12/2000 tại UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Trần Minh T, sinh ngày 02/8/1999); Căn cứ Căn cứ bản sao Trích lục khai sinh số 289/TLKS-BS ngày 02/07/2019 tại UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là La Đặng Xuân C, sinh ngày 15/10/2016); Căn cứ vào xác nhận của ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N thì ông bà có 03 (ba) người con chung có tên họ tên như trên.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao người con chung tên La Đặng Xuân C, sinh ngày 15/10/2016 cho bà La Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà La Mỹ N không yêu cầu ông Trần Minh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hai người con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 14/10/1997 và Trần Minh T, sinh ngày 02/08/1999 đã trưởng thành nên ông Q và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N xác nhận nợ chung không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/97 đăng ký ngày 14/04/1997 tại UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N có 03 (ba) người con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 14/10/1997; Trần Minh T, sinh ngày 02/08/1999 và La Đặng Xuân C, sinh ngày 15/10/2016.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao người con chung tên La Đặng Xuân C, sinh ngày 15/10/2016 cho bà La Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với trẻ La Đặng Xuân C, sinh ngày 15/10/2016 cho ông Trần Minh Q do bà La Mỹ N không yêu cầu.

Hai người con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 14/10/1997 và Trần Minh T, sinh ngày 02/08/1999 đã trưởng thành nên ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Minh Q có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N xác nhận nợ chung không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0009845 ngày 14/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Trần Minh Q và bà La Mỹ N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa